

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học Cầu lông 1
CBGD Lương Anh Kiệt

Nhóm: 5

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	1	2121110394	Văn Công Thái	An	14/08/2002	CCQ2111C	8.0	9.0	8.6	
234008	2	2121110121	Đỗ Hoài	Bảo	21/11/2003	CCQ2111D	8.3	5.0	6.3	
234008	3	2121110105	Nguyễn Thanh	Bình	29/06/2003	CCQ2111C	6.7	4.0	5.1	
234008	4	2121110117	Thái Hoàng	Chương	12/07/2003	CCQ2111D	5.7	6.0	5.9	
234008	5	2121120154	Nguyễn Đỗ Thiện	Dũng	26/07/2002	CCQ2112E				ct
234008	6	2121110102	Trương Chí	Dũng	28/10/1999	CCQ2111C	8.3	5.0	6.3	
234008	7	2121110074	Hồ Đức	Duy	16/09/2003	CCQ2111C	6.3	8.0	7.3	
234008	8	2121110126	Vũ Thế	Duyệt	22/04/2003	CCQ2111D	4.3	7.0	5.9	
234008	9	2121110088	Nguyễn Tiến	Đạt	26/01/2003	CCQ2111C				ct
234008	10	2121110134	Nguyễn Tiến	Đạt	04/10/2003	CCQ2111D	6.7	5.0	5.7	
234008	11	2121110127	Trần Tấn	Độ	02/11/2002	CCQ2111D	7.7	9.0	8.5	
234008	12	2121110072	Nguyễn Thành	Đồng	20/07/2003	CCQ2111C				ct
234008	13	2121110095	Nguyễn Xuân	Hạ	13/08/2003	CCQ2111C	5.0	5.0	5.0	
234008	14	2121110109	Dương Ngọc	Hải	28/05/2003	CCQ2111D	6.0	7.0	6.6	
234008	15	2121110133	Nguyễn Thanh	Hậu	14/06/2001	CCQ2111D	6.7	4.0	5.1	
234008	16	2121110079	Cù Minh	Hóa	11/04/2003	CCQ2111C				ct
234008	17	2121110131	Nguyễn Tấn	Hoàng	20/12/2003	CCQ2111D	6.3	7.0	6.7	
234008	18	2121110120	Trần Thị Mỹ	Huệ	02/08/2003	CCQ2111D	7.3	4.0	5.3	
234008	19	2121110086	Nguyễn Đức Quang	Huy	18/08/2003	CCQ2111C	6.7	4.0	5.1	
234008	20	2121110139	Nguyễn Văn	Huy	11/11/2003	CCQ2111D	6.0	9.0	7.8	
234008	21	2121110123	Lương Văn	Hưng	14/09/2003	CCQ2111D	6.0	3.0	4.2	
234008	22	2121110103	Lý Tấn	Khải	30/07/2003	CCQ2111C	7.7	7.0	7.3	
234008	23	2121110118	Nguyễn Hồng	Khang	08/09/2003	CCQ2111D	8.0	8.0	8.0	
234008	24	2121110100	Đoàn Vinh Anh	Khôi	20/06/2003	CCQ2111C				ct
234008	25	2121110083	Nguyễn Võ	Linh	25/04/2003	CCQ2111C	8.7	7.0	7.7	
234008	26	2121110107	Phạm Phi	Long	30/07/2003	CCQ2111D	8.0	8.0	8.0	
234008	27	2121110355	Phạm Ngô Xuân Hoàng	Lộc	12/03/2003	CCQ2111D	6.7	8.0	7.5	
234008	28	2121110091	Võ Thị Kim	Mến	02/11/2003	CCQ2111C	7.3	6	6.5	
234008	29	2121110137	Đình Văn	Minh	01/10/2003	CCQ2111D				ct
234008	30	2121110354	Trần Ngọc	Mỹ	11/09/2003	CCQ2111C	7.3	4.0	5.3	
234008	31	2120110345	Đặng Tân	Nam	06/06/2002	CCQ2011D	7.3	4.0	5.3	

234008	32	2121110387	Trần Trọng	Nam	15/04/2003	CCQ2111C	6.7	4.0	5.1	
234008	33	2121110379	Lê Thị Phương	Nghi	14/06/2003	CCQ2111C	8.0	3	5.0	
234008	34	2119260182	Nguyễn Mỹ	Ngọc	27/09/2000	CCQ1926E	8.0	5.0	6.2	
234008	35	2121110075	Nguyễn Thành	Nhân	28/09/2003	CCQ2111C	8.0	5.0	6.2	
234008	36	2121110116	Nguyễn Thiện	Nhân	18/08/2003	CCQ2111D	6.3	9.0	7.9	
234008	37	2121110362	Chau Lâm Thái	Nhựt	23/02/2003	CCQ2111D				ct
234008	38	2121110081	Ngô Hoàng An	Ninh	28/12/2003	CCQ2111C	5.0	7.0	6.2	
234008	39	2121110128	Lê Thanh	Phong	12/06/2003	CCQ2111D	7.7	9.0	8.5	
234008	40	2121110099	Nguyễn Hồng	Phúc	24/07/2003	CCQ2111C				ct
234008	41	2121110104	Nguyễn Châu	Phú	19/02/2003	CCQ2111C	7.0	5.0	5.8	
234008	42	2121110132	Phạm Việt	Quang	18/09/2003	CCQ2111D	5.7	3.0	4.1	
234008	43	2121110380	Nguyễn Hoàng Anh	Quân	21/11/2003	CCQ2111D				ct
234008	44	2121110077	Đặng Anh	Quốc	26/10/2003	CCQ2111C	8.3	8.0	8.1	
234008	45	2121110082	Trần Văn	Tài	15/06/2002	CCQ2111C	6.3	6.0	6.1	
234008	46	2121110098	Nguyễn Văn	Tài	25/09/2003	CCQ2111C				ct
234008	47	2120270023	Trần Bùi Băng	Tâm	23/02/2002	CCQ2027A	7.0	4.0	5.2	
234008	48	2121110076	Trần Thanh	Thái	02/08/2003	CCQ2111C	8.0	3.0	5.0	
234008	49	2120120686	La Thiên	Thành	20/02/2002	CCQ2012L	8.7	8.0	8.3	
234008	50	2121110129	Bùi Thanh	Thắng	11/02/2003	CCQ2111D	6.0	6.0	6.0	
234008	51	2121110090	Nguyễn Hữu	Thi	31/10/2003	CCQ2111C	7.7	5.0	6.1	
234008	52	2121110136	Lê Sỹ	Thiện	13/06/2003	CCQ2111D	7.7	8.0	7.9	
234008	53	2121110087	Trần Hữu	Thọ	10/04/2003	CCQ2111C	8.0	7.0	7.4	
234008	54	2121110383	Trần Ngọc	Thuận	05/07/2002	CCQ2111D				ct
234008	55	2121110112	Nguyễn Thanh	Thức	18/10/2003	CCQ2111D	6.3	9.0	7.9	
234008	56	2121100116	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	30/01/2003	CCQ2110D	6.7	4.0	5.1	
234008	57	2121110360	Châu Quốc	Toàn	18/12/1999	CCQ2111C	8.0	7.0	7.4	
234008	58	2121110138	Nguyễn Quốc	Trọng	20/08/2001	CCQ2111D	7.7	9.0	8.5	
234008	59	2121110122	Lê Anh	Trúc	12/10/2003	CCQ2111D	6.7	7.0	6.9	
234008	60	2121110140	Lê Trần Cẩm	Trúc	20/10/2003	CCQ2111D	6.3	9.0	7.9	
234008	61	2121110092	Thái Minh	Trực	05/01/2003	CCQ2111C	8.7	7.0	7.7	
234008	62	2121110101	Lê Hữu	Việt	10/11/2002	CCQ2111C				ct
234008	63	2121110084	Đỗ Thị Tuyết	Xuân	31/12/2003	CCQ2111C	8.0	7.0	7.4	

TPHCM , ngày ... tháng ... năm 2022